

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/DS-ST
Ngày: 05 - 02 - 2021
*V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Bửu Khánh

Ông Phan Ngọc Lợi

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang:
Bà Nguyễn Thị Diễm Thuý – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công Khi vụ án thụ lý số: 239/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2020/QĐXXST-DS, ngày 21 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1983 (vắng mặt);

2. Ông Ngo Quoc H, sinh năm 1979 (có mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Tâm: Ông Ngo Quoc H, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: ấp Thanh H, xã Thanh L, huyện GR, tỉnh KG

- Bị đơn:

1. Bà Vo Nhu Q (vắng mặt);

2. Ông Ho Hoang Kh (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Nguyen Van Th, xa Thanh L, huyện GR, tỉnh KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Ngo Quoc H, bà Phạm Thị T trình bày: Khoảng tháng 9 năm 2018, vợ chồng ông bà có vay tiền giúp vợ chồng ông Ho Hoang Kh, bà Vo Nhu Q số tiền 20.000.000 đồng, đến hạn trả nợ vợ chồng bà Q, ông Kh không trả nợ, nên vợ chồng ông bà đã chi tiền trả nợ cho ông Kh, bà Q và yêu cầu Kh Q trả lại cho ông bà số tiền trên, nhưng vợ chồng Kh và Q cứ hứa hẹn không trả lại tiền cho vợ chồng ông bà. Nên vào ngày 08 tháng 11 năm 2019 vợ chồng ông Kh, bà Q

có viết cam kết nợ vợ chồng ông và số tiền 19.600.000 đồng (mười chín triệu sáu trăm nghìn đồng). Trong đó nợ gốc là 14.000.000 đồng; lãi là 5.600.000 đồng và cam kết đến ngày 08/02/2020 ông Kh, bà Q trả nợ cho ông bà, nếu ông Kh bà Q trả đúng hạn thì vợ chồng ông bà chỉ lấy tiền gốc là 14.000.000 đồng, nếu đến ngày hẹn ông Kh bà Q không trả thì ông bà yêu cầu phải trả lãi là 5.600.000 đồng.

Nay ông bà rút lại một phần khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Ho Hoang Kh, bà Vo Nhu Q phải trả cho vợ chồng ông bà số tiền nợ gốc là 14.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi và cũng không lấy số tiền lãi 5.600.000 đồng như vợ chồng ông Kh, bà Q đã cam kết.

Bị đơn ông Ho Hoang Kh, bà Vo Nhu Q vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc, hoà giải tại Toà án. Đồng thời cũng không có ý kiến bằng văn bản phản hồi đối với yêu cầu của nguyên đơn gửi cho Toà án nên không ghi nhận được ý kiến của ông Kh, bà Q.

Tại phiên toà ông Nguyễn Quốc Hương là nguyên đơn và là đại diện của bà Tâm rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Kh, bà Q trả số tiền nợ gốc là 14.000.000 đồng, không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Ho Hoang Kh, bà Vo Nhu Q vắng mặt không lý do mặc dù đã được Toà án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên toà hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và tại phiên toà Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Vợ chồng Ông Hương, bà Tâm yêu cầu vợ chồng ông Kh, bà Q phải trả số tiền nợ gốc là 14.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Xét thấy tại giấy cam kết đề ngày 08/11/2019 và biên bản hoà giải của Trường tiểu học Thạnh Lộc 2, bà Q, ông Kh thừa nhận nợ và xin trả dần, điều đó chứng minh ông Kh, bà Q có vay tiền như nguyên đơn trình bày là đúng. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đình chỉ một phần khởi kiện nguyên đơn đã rút.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thi T, ông Ngo Quoc H yêu cầu ông Ho Hoang Kh, bà Vo Nhu Q phải trả số tiền vay còn lại là 14.000.000 đồng. Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Ho Hoang Kh, bà Vo Nhu Q có địa chỉ nơi cư trú tại ấp Nguyen Van Th, xan Thanh L, huyện GR, tỉnh KG. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, ông Tâm, bà Hương khởi kiện tại Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng là phù hợp với quy định.

[3] Xét bà Phạm Thi T nguyên đơn vắng mặt đã uỷ quyền cho ông Hương. bị đơn ông Kh, bà Q đã được Toà án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên toà nhưng ông Kh, bà Q vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ vào Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Tâm và ông Kh, bà Q.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Tâm, ông Hương yêu cầu ông Kh, bà Q trả số tiền vay còn nợ là 14.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Toà án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Như vậy ông Kh, bà Q đã tước bỏ quyền chứng minh của mình qua việc không đến Toà án tham gia tố tụng, nên ông Kh, bà Q phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật này. Qua yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy, tại giấy cam kết ngày 08/11/2019 vợ chồng ông Kh, bà Q thừa nhận còn nợ số tiền 14.000.000 đồng và xin được trả nợ dần và việc vay tiền này đã được Trường Tiểu học Thanh Lộc 2 hoà giải ngày 21/5/2020. Từ đó, cho thấy ông Kh, bà Q có vay tiền như nguyên đơn trình bày là đúng. Theo quy định khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác.”*. Ông Kh, bà Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông Hương, bà

Tâm khởi kiện yêu cầu phải trả lại số tiền còn nợ là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[5] Về án phí:

Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Yêu cầu của ông Hương, bà Tâm được Tòa án chấp nhận nên ông Hương, bà Tâm không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Hương, bà Tâm được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 490.000 đồng (bốn trăm chín mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005493 ngày 06/10/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Ông Kh, bà Q phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: 14.000.000 đồng x 5% = 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 269; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điều 288, Điều 463, khoản 1 Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngo Quoc H, bà Phạm Thi T đối với ông Ho Hoang Kh, bà Vo Nhu Q. Buộc ông Kh, bà Q phải liên đới trả số tiền vay gốc là 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí:

Ông Ngo Quoc H, bà Phạm Thi T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 490.000 đồng (bốn trăm chín mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005493 ngày 06/10/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Ông Ho Hoang Kh, bà Vo Nhu Q phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng).

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Ông Ngo Quoc H, bà Phạm Thi T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông Ho Hoang Kh, bà Vo Nhu Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Toà án niêm yết bản án hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- CCTHADS huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Nhiên